

Số: 034/QĐ-THPT.LQĐ

Tuy Đức, ngày 18 tháng 01 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách đầu năm 2022

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

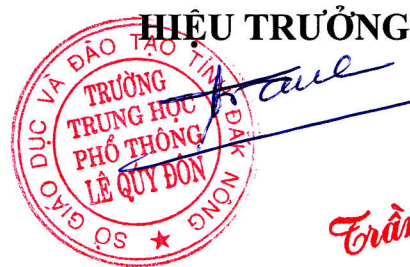
Căn cứ Quyết định số Quyết định số 2668 /QĐ- SGDDĐT ngày 27/12/2021 của Sở giáo dục và đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách NN năm 2022;

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Trường THPT Lê Quý Đôn (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

**Điều 3.** Các phòng ban, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.



Trần Văn



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị:

Chương: 422

**CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 5/QĐ- THPT.LQĐ ngày 18/01/2022 của Trường THPT Lê Quý Đôn)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
1	Lệ phí	
2	Phí	120.000.000
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
<b>I</b>	<b>Lệ phí</b>	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
<b>2</b>	<b>Phí</b>	
	Phí ...	
	Phí ...	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	9.211.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.445.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.766.000.000
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	



6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	

<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Số: 2668/QĐ-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 27 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Tài chính,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 cho cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông (có chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo; các phòng, đơn vị có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN Đắk Nông;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu: VT, TCCB-TC<sub>(ĐT)</sub>.



**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Toàn**

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Đôn

(kèm theo Quyết định số 2668/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)



ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Kinh phí
		Loại 070 khoản 074
<b>I</b>	<b>Dự toán thu</b>	<b>120.000</b>
1	Thu sự nghiệp	120.000
2	Chi từ nguồn thu để lại	120.000
	Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định (40%)	48.000
<b>II</b>	<b>Dự toán chi NSNN</b>	<b>9.211.000</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>7.445.000</b>
	Lương và chi khác theo quy định	7.445.000
<b>2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>1.766.000</b>
	Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (Nghị định 116/2016/NĐ-CP)	1.006.000
	Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP (cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập)	240.000
	Mua sắm thiết bị dạy học lớp 10 (32 đơn vị trực thuộc) năm học 2022-2023 theo Chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo	160.000
	Bảo dưỡng, sửa chữa các trường THPT	360.000